TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BB** **TỈNH BÌNH THUẬN**.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-05-2023
V/v *"Tranh chấp ly hôn và con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Th
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Yến Th.
2.Bà Phạm Thị Bích L

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Hoàng Bảo V-Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thụy Mỹ T-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Hữu T, sinh năm 1988 (Có mặt)
Bị đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn Thanh K, xã Phan Th, huyện BB, tỉnh BTh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn-anh Nguyễn Văn Hữu T trình bày:

+*Về hôn nhân*: Anh T và chị Lê Thị Tr yêu nhau tự nguyện, sống chung từ năm 2008 đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan Th vào ngày 25/11/2011. Sau khi kết hôn, anh T về nhà chị Tr ở cùng địa phương xã Phan Th.Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc có chung hai người con.Đến khoảng năm 2015, chị Tr vào Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, anh T ở nhà trông con và làm nông phụ gia đình chị Tr. Sau khi chị Tr đi làm tại T.P Hồ Chí Minh được một thời gian thì không liên hệ về với anh và con, anh

T tự lo nuôi con và ở cùng nhà mẹ chị Tr. Sau 02 năm chị Tr trở về có dẫn theo đứa con nhỏ và người đàn ông khác nên anh T không còn ở nhà ba mẹ chị Tr nữa mà về lại gia đình anh sống đến nay. Các con anh T để lại mẹ chị Tr chăm sóc, anh thăm nom và cấp dưỡng nuôi con đến nay giữa anh và chị Tr không còn tình cảm và không thể quay lại sống hạnh phúc nên anh T yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Tr.

+*Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Hữu T và chị Lê Thị Tr có hai người con chung là Nguyễn Văn Hậu Ph, sinh ngày 13/3/2009 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày 14/11/2012. Các con đang do bà Lê Thị A (mẹ chị Lê Thị Tr) trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu giao con cho mẹ chị Tr trực tiếp nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con. Bởi, hiện nay chị Tr đã có gia đình riêng, con đang do mẹ chị Tr nhận nuôi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Văn Hữu T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Lê Thị Tr vắng mặt không gởi văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hữu T về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung mặt dù đã được Tòa án niêm yết, thông báo tống đạt thủ tục thụ lý và hòa giải, xét xử cho chị Tr hợp lệ và gia đình chị Tr nhận thay nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Trvì cho rằng chị Tr đã có con và đang sống chung vợ chồng với người khác nên tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân nên anh T yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Tr.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Văn Hậu Ph, sinh ngày 13/3/2009 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày 14/11/2012. Các con đang do bà Lê Thị A (mẹ chị Lê Thị Tr) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T thay đổi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung vì cho rằng hiện nay chị Tr đã có gia đình riêng, con đang do mẹ chị Tr nhận nuôi nên anh yêu cầu nuôi con, yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Bị đơn chị Lê Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Hữu T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:

+Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 56; 57; 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 và 84Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.Anh Nguyễn Văn Hữu T được ly hôn chị Lê Thị Tr; Về con chung: đề nghị giao Nguyễn Văn Hậu Ph, sinh ngày 13/3/2009 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày 14/11/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.Chị Lê Thị Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con.Tài sản chung, nợ chung anh T không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Căn cứ vào tài liệu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn chị Lê Thị Tr có hộ khẩu tại xã Phan Th, huyện BB, tỉnh BTh thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, chị Lê Thị Tr vắng mặt không có ý kiến.Vì vậy, vụ án đưa ra xét xử.Tại phiên tòa chị Lê Thị Tr vắng mặt hai lần, Tòa án đã niêm yết và tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Lê Thị Tr là phù hợp Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Hữu T và chị Lê Thị Tr được xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 tại UBND xã Phan Th nên hôn nhân giữa anh T và chị Tr là hôn nhân hợp pháp.Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau những công việc gia đình và giúp đỡ nhau, chung sống cùng nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị Tr đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, ngoại tình có con riêng với người khác trong khi đã kết hôn với anh T dẫn đến tình cảm không còn, anh Tvà chị Tr không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2015 đến nay. Hiện nay anh T và chị Tr không còn quan tâm tình cảm với

nhau. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi anh T yêu cầu ly hôn chị Tr không quan tâm, bỏ mặc không có ý kiến gì nên Hội đồng xét thấy có căn cứ chấp nhận anh Nguyễn Văn Hữu T được ly hôn chị Lê Thị Tr theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Hữu T xác định anh và chị Lê Thị Tr có 02 người con chung là Nguyễn Văn Hậu Ph, sinh ngày 13/3/2009 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày 14/11/2012. Anh T khi đi khỏi nhà chị Tr đã để con lại cho chị Tr nuôi nhưng chị Tr không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mà giao mẹ chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nên anh T thay đổi yêu cầu về con chung, anh T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 người con chung và yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi ý kiến về người trực tiếp nuôi con chung của anh Nguyễn Văn Hữu T là có căn cứ.Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, không có tài sản tự nuôi mình khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Tr và anh T là cha mẹ của các con Nguyễn Văn Hậu Ph và Nguyễn Thị Ánh Trphải có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng hiện nay chị Tr không trực tiếp nuôi dưỡng và không thỏa thuận gì về con chung nên anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]*Về tài sản và nợ chung*: Anh Nguyễn Văn Hữu T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5]*Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Hữu T và chị Lê Thị Tr phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu,miễn giảm, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 2 Điều 228; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Khoản 1 Điều 51; Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu,miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

-Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Hữu T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Hữu T được ly hôn chị Lê Thị Tr

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn Hậu Ph, sinh ngày 13/3/2009 và Nguyễn Thị Ánh Tr, sinh ngày 14/11/2012 cho anh Nguyễn Văn Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Chị Lê Thị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Hữu T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002562 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB, anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo*:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B Th;
- VKSND huyện BB;
- Chi cục THADS huyện BB;
- Đương sự;
- UBND xã Phan Th (hộ tịch)
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thanh Th